|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**TRUNG TÂM GDNN-GDTX**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025****Ngày 22/10/2024**Lớp: **10 – Giáo dục thường xuyên****Môn: Vật lí (Buổi sáng).**Thời gian làm bài: 50 phút (không kể thời gian giao đề). |

 **Mã Đề: 101.**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**

**Câu 1.** Chọn ý **sai**? Sai số ngẫu nhiên

 **A.** không có nguyên nhân rõ ràng.

 **B.** có thể do khả năng giác quan của con người dẫn đến thao tác đo không chuẩn.

 **C.** chịu tác động của các yếu tố ngẫu nhiên bên ngoài.

 **D.** là những sai sót mắc phải khi đo.

**Câu 2.** Khi tiến hành thí nghiệm, cần phải

 **A.** Thảo luận nhóm để thống nhất quy tắc riêng của nhóm, có thể bỏ qua quy tắc an toàn của phòng thí nghiệm.

 **B.** Tuân theo các quy tắc an toàn của phòng thí nghiệm, hướng dẫn của giáo viên.

 **C.** Tiến hành thí nghiệm với thời gian ngắn nhất, không cần tuân thủ các quy tắc của phòng thí nghiệm.

 **D.** Tự đề xuất các quy tắc thí nghiệm để có thể tiến hành thí nghiệm nhanh nhất.

**Câu 3.** Một thuyền đi từ bến A đến bến B cách nhau 6 km rồi lại trở về  Biết rằng vận tốc thuyền trong nước yên lặng là 5 km/giờ,vận tốc nước chảy là 1 km/giờ.Vận tốc của thuyền so với bờ khi thuyền đi xuôi dòng là

 **A.** 6 km/giờ.  **B.** 4 km/giờ.  **C.** 4 m/s.  **D.** 6 m/s.

**Câu 4.** Trong các phép đo dưới đây, đâu là phép đo trực tiếp?

(1) Dùng thước đo chiều cao.

(2) Dùng cân đo cân nặng.

(3) Dùng cân và ca đong đo khối lượng riêng của nước.

(4) Dùng đồng hồ và cột cây số đo tốc độ của người lái xe.

 **A.** (1), (2).  **B.** (2), (3), (4).  **C.** (2), (4).  **D.** (1), (2), (4).

**Câu 5.** Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?

 **A.** Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của bàn bè trong lớp.

 **B.** Mang đồ ăn vào phòng thực hành.

 **C.** Có thể nhận biết hóa chất bằng cách ngửi hóa chất.

 **D.** Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.

**Câu 6.** Chọn đáp án có từ/cụm từ thích hợp để hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  Đơn vị  |  Kí hiệu  |  Đại lượng  |
|  kelvin  |  (1)  |  (2)  |
|  ampe  |  $A$  |  $(3)$  |
|  candela  |  $cd$  |  (4)  |

 **A.** (1) K; (2) Nhiệt độ; (3) Cường độ dòng điện; (4) Lượng chất.

 **B.** (1) K; (2) Khối lượng; (3) Cường độ dòng điện; (4) Lượng chất.

 **C.** (1) K; (2) Nhiệt độ; (3) Cường độ dòng điện; (4) Cường độ ánh sáng.

 **D.** (1) $K$; (2) Khối lượng; (3) Cường độ dòng điện; (4) Cường độ ánh sáng.

**Câu 7.** Tốc độ là đại lượng đặc trưng cho

 **A.** tính chất nhanh hay chậm của chuyển động.  **B.** sự thay đổi hướng của chuyển động.

 **C.** sự thay đổi vị trí của vật trong không gian.  **D.** khả năng duy trì chuyển động của vật.

**Câu 8.** Mục tiêu của vật lí là

 **A.** Tìm quy luật về sự chuyển động của các hành tinh

 **B.** Tìm ra cấu tạo của các nguyên tử, phân tử.

 **C.** Tìm quy luật chi phối sự vận động của vật chất và năng lượng.

 **D.** Khám phá sự vận động của con người.

**Câu 9.** Công thức tổng quát để xác định vận tốc tổng hợp là

 **A.** $v\_{13}=v\_{12}-v\_{23}$.  **B.** $v\_{13}=v\_{12}+v\_{23}$.

 **C.** $\vec{v\_{13}}=\vec{v\_{12}}+\vec{v\_{23}}$.  **D.** $\vec{v\_{13}}=\vec{v\_{12}}-\vec{v\_{23}}$.

**Câu 10.** Hãy chọn câu đúng?

 **A.** Hệ quy chiếu bao gồm vật làm mốc, mốc thời gian và đồng hồ.

 **B.** Hệ quy chiếu bao gồm vật làm mốc, hệ toạ độ, mốc thời gian.

 **C.** Hệ quy chiếu bao gồm vật làm mốc, hệ toạ độ, mốc thời gian và đồng hồ.

 **D.** Hệ quy chiếu bao gồm hệ toạ độ, mốc thời gian và đồng hồ.

**Câu 11.** Một ô tô đang chạy trên đường,trong các phát biểu sau,phát biểu nào **không** đúng?

 **A.** Ôtô chuyển động so với cây bên đường.  **B.** Ôtô đứng yên so với người lái xe.

 **C.** Ôtô chuyển động so với người lái xe.  **D.** Ôtô chuyển động so với mặt đường.

**Câu 12.** Chọn phương án đúng.

 **A.** Quỹ đạo của chuyển động có tính tương đối, vận tốc của chuyển động không có tính tương đối.

 **B.** Quỹ đạo trong các hệ quy chiếu khác nhau là khác nhau.

 **C.** Quỹ đạo và vận tốc của chuyển động không có tính tương đối.

 **D.** Vận tốc trong các hệ quy chiếu khác nhau là giống nhau.

**Câu 13.** Biển báo sau mang ý nghĩa gì: 

 **A.** Chất gây ô nhiễm  **B.** Chất phóng xạ  **C.** Chất độc sức khỏe  **D.** Chất ăn mòn

**Câu 14.** Ứng dụng vật lí “Vận dụng kiến thức sự nở vì nhiệt của các chất để chế tạo nhiệt kế rượu; nhiệt kế thủy ngân.” liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp nào trong cuộc sống?

 **A.** Công nghiệp, Y tế - Sức khỏe, Nghiên cứu khoa học

 **B.** Gia dụng

 **C.** Y tế - Sức khỏe

 **D.** Y tế - Sức khỏe, Nghiên cứu khoa học.

**Câu 15.** Một vật chuyển động thẳng đều trong 6 h đi được 180 km, khi đó tốc độ của vật là

 **A.** 900 km/h.  **B.** 900 m/s.  **C.** 30 km/h.  **D.** 30 m/s.

**Câu 16.** Đối tượng nghiên cứu của Vật lí là gì?

 **A.** Chuyển động của các loại phương tiện giao thông

 **B.** Năng lượng điện và ứng dụng của năng lượng điện vào đời sống

 **C.** Các ngôi sao và các hành tinh

 **D.** Các loại vật chất, năng lượng và sự vận động của chúng.

**Câu 17.** Xét một chiếc thuyền trên dòng sông.Gọi vận tốc của thuyền so với bờ là $v\_{21}$; vận tốc của

nước so với bờ là $v\_{31}$; Vận tốc của thuyền so với nước là $v\_{23}$.Như vậy:

 **A.** $v\_{21}$ là vận tốc tương đối.  **B.** $v\_{31}$ là vận tốc tuyệt đối.

 **C.** $v\_{23}$ là vận tốc tương đối.  **D.** $v\_{21}$ là vận tốc kéo theo.

**Câu 18.** Độ lớn của độ dịch chuyển và quãng đường đi được của một chuyển động

 **A.** luôn luôn bằng nhau trong mọi trường hợp.

 **B.** bằng nhau khi vật chuyển động thẳng, không đổi chiều.

 **C.** khi vật chuyển động thẳng.

 **D.** quãng đường chính là độ lớn của độ dịch chuyển.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Phương pháp nghiên cứu Vật lí dựa vào việc xây dựng các lý thuyết và mô hình

 **a)** Trong Vật lí, phương pháp lý thuyết giúp giải thích các hiện tượng.

 **b)** Trong Vật lí, không cần đến phương pháp thực nghiệm để kiểm tra lý thuyết.

 **c)** Các lý thuyết trong Vật lí không bao giờ thay đổi.

 **d)** Mô hình trong Vật lí giúp mô tả đơn giản các hiện tượng phức tạp.

**Câu 2.** Trong các phát biểu sau đây,phát biểu nào là đúng?

 **a)** Hệ quy chiếu đứng yên là hệ quy chiếu gắn với vật làm gốc được quy ước là đứng yên.

 **b)** Độ lớn của vận tốc tuyệt đối luôn lớn hơn tổng độ lớn của vận tốc tương đối và vận tốc kéo theo.

 **c)** Độ lớn của vận tốc tuyệt đối luôn nhỏ hơn độ lớn của vận tốc tương đối.

 **d)** Chuyển động có tính chất tương đối.

**Câu 3.** Đo chiều dày của một cuốn sách bằng thước đo như hình , được kết quả: 2,3 cm; 2,4 cm; 2,5 cm; 2,4 cm. Tính giá trị trung bình chiều dày cuốn sách. 

 **a)** Sai số tuyệt đối trung bình của 4 lần đo được là 0,07 cm

 **b)** Kết quả đo: $A=(2,4\pm 0,1)cm$

 **c)** Sai số tuyệt đối Δd là 0,02cm

 **d)** Giá trị trung bình của phép đo này là 2,4 cm

**Câu 4.** Khi nói về chuyển động thẳng của một vật thì:

 **a)** Đại lượng tính bằng thương số giữa quãng đường đi được của vật và khoảng thời gian vật đi hết quãng đường đó gọi là tốc độ trung bình.

 **b)** Vận tốc trung bình luôn ngược dấu với tốc độ trung bình của vật khi vật di chuyển trên đường thẳng, không đổi chiều, xét trong cùng khoảng thời gian.

 **c)** Đại lượng đặc trưng cho độ nhanh chậm của chuyển động của chất điểm tại một vị trí bất kỳ nào đó gọi là vận tốc trung bình.

 **d)** Quỹ đạo của một vật chuyển động có tính tương đối, phụ thuộc vào hệ quy chiếu của người quan sát.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.**

**Câu 1.** Hãy xác định sai số dụng cụ của cây bút chì trong trường hợp dưới đây theo đơn vị cm:

**Câu 2.** Hình 4.5 mô tả đồ thị độ dịch chuyển - thời gian của một chiếc xe ô tô chạy trên một đường thẳng. Tính vận tốc trung bình của xe. (Kết quả được tính theo đơn vị km/h).

***Hình 4.5. Đồ thị độ dịch chuyển - thời gian của xe***

**Câu 3.** Tại thời điểm 8h, một xe A chuyển động thẳng, mỗi giờ đi được $50km$. Hỏi vị trí của xe A tại thời điểm 11 h cùng ngày cách vị trí ban đầu bao nhiêu km? ( Kết quả được tính theo đơn vị km).

**Câu 4.** Một người lái ô tô đi thẳng 10 km theo hướng Đông, sau đó rẽ trái đi thẳng theo hướng Bắc 5 km rồi quay sang hướng Tây đi 5 km. Hỏi tổng quãng đường đi được của ô tô là bao nhiêu km?

**Câu 5.** Bảng thể hiện kết quả đo khối lượng của một túi trái cây bằng cân đồng hồ. Biết sai số dụng cụ là 0,1 kg.

|  |  |
| --- | --- |
|  **Lần đo**  |  **m (kg)**  |
|  **1**  |  4,3  |
|  **2**  |  4,4  |
|  **3**  |  4,5  |
|  **4**  |  4, 2  |

Sai số tuyệt đối của phép đo là bao nhiêu kg ?( Kết quả lấy đến 1 chữ số sau dấu phẩy thập phân).

**Câu 6.** Một chiếc thuyền đang xuôi dòng với vận tốc 25 km/giờ, vận tốc của dòng nước là 5 km/giờ. Tìm vận tốc của thuyền so với nước. (Kết quả được tính theo đơn vị km/h)

***- Hết -***

*Họ và tên học viên: ..............................................................................................................*

*Số báo danh: ......................................................... Phòng kiểm tra: ................................*

*Chữ ký ‎học viên: ..................................................................................................................*